

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**
Số: 2968/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Bình Định, ngày 11 tháng 08 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư xã Mỹ Chánh Tây

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 2441/STNMT-CCBVMT ngày 21/7/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư xã Mỹ Chánh Tây;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư xã Mỹ Chánh Tây đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 1380/UBND-BQL ngày 28/7/2023 của UBND huyện Phù Mỹ;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 973/TTr-STNMT ngày 09/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư xã Mỹ Chánh Tây (sau đây gọi là Dự án) của UBND huyện Phù Mỹ (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Mỹ Chánh Tây, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Phù Mỹ;
- UBND xã Mỹ Chánh Tây;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

[Signature]

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



[Signature]
Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
DỰ ÁN HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU DÂN CƯ XÃ MỸ CHÁNH TÂY
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư xã Mỹ Chánh Tây.
- Địa điểm thực hiện: xã Mỹ Chánh Tây, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.
- Chủ đầu tư: UBND huyện Phù Mỹ.
- Địa chỉ liên hệ: thị trấn Phù Mỹ, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

1.2. Phạm vi, quy mô

- Phạm vi dự án: Dự án được thực hiện trên tổng diện tích 61.949,13 m² tại xã Mỹ Chánh Tây, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.
- Quy mô: 166 lô đất ở, dân số khoảng 664 người.
- Cơ cấu sử dụng đất như sau:

Stt	Thành phần đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở	29.847,53	48,18
2	Đất công trình công cộng	4.507,33	7,28
3	Đất dịch vụ thương mại	2.282,05	3,68
4	Đất nhà máy bơm và bể nước PCCC	150,00	0,24
5	Đất bể xử lý nước thải	75,00	0,12
6	Đất công viên cây xanh	3.968,91	6,41
7	Đất hạ tầng bờ taluy, mương nước	2.295,74	3,71
8	Đất hạ tầng giao thông	18.822,57	30,38
	Tổng diện tích quy hoạch	61.949,13	100,00

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính

- San nền, phân lô gồm: 166 lô đất ở có diện tích sử dụng đất 29.847,53 m²; 01 khu đất công trình công cộng có diện tích 4.507,33 m²; 01 khu đất dịch vụ thương mại có diện tích 2.282,05 m².
- Xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật gồm: hệ thống đường giao thông, hệ thống cấp điện, hệ thống cấp nước, hệ thống thu gom và thoát nước mưa, hệ thống thu gom và thoát nước thải, hệ thống cây xanh.

- 01 Bể tự hoại tập trung 5 ngăn cải tiến, đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường theo QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng (kết cấu bằng bê tông cốt thép, có hạng mục xử lý mùi hôi, dung tích khoảng 100 m³), có công suất xử lý 50 m³/ngày.

1.3.2. Các hoạt động của Dự án

- Thu dọn mặt bằng.
- San nền, đào, đắp đất vận chuyển nguyên vật liệu.
- Thi công cơ giới bằng máy móc thiết bị.
- Sinh hoạt của công nhân trên công trường.
- Thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.
- Hoạt động của dân cư và vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật của khu dân cư.

1.3.3. Các hạng mục, hoạt động không thuộc phạm vi Báo cáo đánh giá tác động môi trường: Hoạt động khai thác vật liệu san nền phục vụ Dự án.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án có chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích khoảng 5,61 ha.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Trong giai đoạn thi công phát sinh bụi và khí thải, tiếng ồn, độ rung từ máy móc thiết bị thi công; chất thải xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại; nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất; nguy cơ hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu.

- Trong giai đoạn vận hành phát sinh: chất thải rắn sinh hoạt; nước thải sinh hoạt.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 1,44 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công phát sinh với lưu lượng khoảng 01 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng, đất, cát,...

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất trên công trường thi công. Thành phần

chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước thải sinh hoạt của các hộ dân phát sinh với lưu lượng khoảng 63,97 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Bụi từ quá trình đào đắp, san gạt mặt bằng; quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; quá trình thi công xây dựng; khí thải từ máy móc, thiết bị thi công. Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x, NO_x, SO₂, VOC,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Đất bóc phong hóa hữu cơ phạm vi nền đường phát sinh với khối lượng khoảng 4.092,1 m³.

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh với khối lượng khoảng 32 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,...

b) Giai đoạn hoạt động: chất thải rắn sinh hoạt phát sinh với khối lượng khoảng 531,2 kg/ngày.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại, chất thải phải kiểm soát

Giai đoạn thi công, xây dựng: hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu của các phương tiện thi công phát sinh chất thải nguy hại và chất thải phải kiểm soát với khối lượng khoảng 20 kg trong suốt quá trình thi công. Thành phần chủ yếu là các loại vật dụng nhiễm dầu thải, bóng đèn huỳnh quang, que hàn thải.....

3.3. Tiếng ồn, độ rung

Hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; các máy móc, thiết bị thi công như máy đào, máy đầm, máy ủi; hoạt động san lấp mặt bằng, đường giao thông phát sinh tiếng ồn, ảnh hưởng đến công nhân, người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

3.4. Các tác động khác

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ảnh hưởng đến người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

- Hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa tác động đến sinh kế của người dân.

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất an ninh, trật tự xã hội khu vực Dự án.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: bố trí 01 nhà vệ sinh di động có dung tích 2,5 m³ bằng vật liệu composite; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý.

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất: tạo các mương thoát nước tạm thời để dẫn dòng đảm bảo thoát nước nhanh, không gây ngập úng cục bộ.

- Nước thải xây dựng: bố trí 01 hồ lắng có thể tích 0,5m³ để lắng cặn, nước thải sau khi lắng cặn được tái sử dụng cho quá trình xây dựng.

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước mưa chảy tràn: hệ thống thoát nước mưa của dự án được thiết kế theo phương án tự chảy và thoát nước riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải của Dự án, cụ thể:

+ Bố trí các tuyến công sử dụng ống BTCT D600mm dọc các vỉa hè và tuyến đường nội bộ để thu gom nước mưa toàn bộ khu vực dự án, sau đó thoát ra kênh T thông qua 02 cửa xả tại phía Bắc dự án ((Cửa xả CX1 (tọa độ: 592641,74; 1566804,17), cửa xả CX2 (tọa độ: 593012,48; 1566575,4)).

+ Xây dựng 01 cống hộp kích thước 5mx2,25m qua đường ĐT3 và mương kích thước 5m×2,25m để thoát nước mưa từ khu vực phía Nam và cống hộp hiện trạng trên đường ĐT.632 thoát ra kênh T.

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải sinh hoạt: được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại của các hộ dân, sau đó được thu gom vào tuyến ống chính bằng ống HDPE có đường kính D200mm, D315mm, D400mm bố trí dọc tuyến đường giao thông nội bộ của Dự án. Phương án xử lý nước thải của Dự án như sau:

Giai đoạn 1 (khi lượng nước thải phát sinh thấp hơn 50 m³/ngày): xây dựng bể tự hoại cải tiến 05 ngăn, thể tích 100m³ (có hệ thống xử lý mùi hôi) để xử lý nước thải. Nước thải sau xử lý được xả thải bằng đường ống HDPE D315mm vào kênh T (tọa độ: X = 1566596; Y = 593022, hệ tọa độ VN-2000, múi chiếu 3⁰), phương thức xả thải là tự chảy.

Giai đoạn 2: Khi lượng nước thải phát sinh từ 50 m³ /ngày trở lên và hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu vực chưa xây dựng thì xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 65 m³ /ngày đêm cho Dự án. Nước thải sau xử lý được xả thải bằng đường ống HDPE D315mm vào kênh T (tọa độ: X = 1566596; Y = 593022, hệ tọa độ VN-2000, múi chiếu 3⁰), phương thức xả thải là tự chảy.

Công nghệ xử lý nước thải: Nước thải sinh hoạt → Bể điều hoà → Bể

sinh học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận (Nước thải đầu ra đạt tiêu chuẩn môi trường).

Giai đoạn 3: Khi hệ thống xử lý nước thải tập trung chung cho khu vực được xây dựng thì hệ thống xử lý nước thải của dự án sẽ chuyển đổi thành trạm bơm để bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu vực.

4.1.2. Đối với bụi, khí thải

- Các xe vận chuyển đất đắp, nguyên vật liệu được phủ bạt, thùng xe kín; chờ đúng tải trọng và tốc độ quy định.

- Thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công.

- Tại khu vực tập kết nguyên vật liệu: che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió và hạn chế chiều cao lưu chứa dưới 2 m.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

4.2. Các công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải phải kiểm soát, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Đất bóc phong hóa hữu cơ: được tận dụng hoàn toàn đổ vào vị trí quy hoạch cây xanh của dự án.

- Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng và hoạt động thi công các hạng mục công trình được thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- Bố trí các thùng thu gom rác sinh hoạt có nắp đậy kín tại lán trại, khu nghỉ ngơi, ăn uống của công nhân.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường theo quy định.

b) Giai đoạn hoạt động

- Bố trí khu vực tập kết dụng cụ, thiết bị thu gom rác có diện tích 10m² tại khu vực quy hoạch đất cây xanh nằm phía Đông Dự án,

- Người dân thu gom và lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt trong các thiết bị chứa chuyên dụng và chuyển giao cho đơn vị thu gom tại địa phương.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải phải kiểm soát, chất thải nguy hại

- Giai đoạn thi công, xây dựng: bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại, chất thải phải kiểm soát tại khu vực lán trại, có dán nhãn nhận biết theo quy định. Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc, thiết bị hư

hồng.

- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa và ban đêm. Không hoạt động các thiết bị gây tiếng ồn lớn vào thời gian từ 18h00 - 06h00 sáng ngày hôm sau.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng giao thông trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của Dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ

Lập phương án chữa cháy, các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ. Thông báo cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

4.5.2. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

Xây dựng các nội quy về an toàn lao động khi lập tiến độ thi công; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng của Dự án

5.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí giám sát:

- + Phía Tây Nam Dự án, giáp với khu dân cư hiện trạng, (tọa độ: 592460; 1566724).

- + Phía Đông Nam Dự án, giáp với khu dân cư hiện trạng (tọa độ: 592972; 1566531).

- Chỉ tiêu giám sát: bụi, tiếng ồn.

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.

5.2. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Thường xuyên theo dõi, giám sát thành phần, số lượng của chất thải rắn và chất thải nguy hại phát sinh.

- Quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo các quy định hiện hành tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành

một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại có hiệu lực tại thời điểm giám sát.

6. Các yêu cầu khác có liên quan đến môi trường

- Khoanh định ranh giới của Dự án và chỉ được triển khai thực hiện Dự án sau khi được cấp có thẩm quyền cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất theo đúng các quy định pháp luật hiện hành.

- Thiết lập hệ thống biển báo, cấm mốc giới các địa bàn thi công và thông tin cho chính quyền địa phương có liên quan biết trước khi tiến hành hoạt động thi công, xây dựng Dự án.

- Bố trí thiết bị, phương tiện, địa điểm để phân loại tại nguồn, thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh từ các hộ gia đình, cá nhân theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 57 Luật Bảo vệ môi trường.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo không làm hư hỏng hệ thống đường giao thông khu vực và hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, hoạt động giao thông và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phát sinh bởi Dự án, đảm bảo môi trường xung quanh khu vực Dự án trong các giai đoạn của Dự án luôn đáp ứng tiêu chuẩn tại QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác về bảo vệ môi trường.